

Nam Nha Trang, ngày 07 tháng 9 năm 2026

Số: 179/QĐ-LQĐ.NNT

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định chấm điểm, xếp loại thi đua của học sinh và tập thể lớp từ năm học 2026 - 2027

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN – NAM NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 543-QĐ ngày 25 tháng 4 năm 1985 của UBND tỉnh Phú Khánh về việc thành lập Trường PTTH Lê Quý Đôn; và Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2015 về việc đổi tên Trường THPT Lê Quý Đôn thành Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn;

Căn cứ Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên;

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khen thưởng và kỷ luật học sinh;

Theo đề nghị của Ban Chấp hành Đoàn Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn – Nam Nha Trang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định chấm điểm, xếp loại thi đua của học sinh và tập thể lớp từ năm học 2026 - 2027.

Điều 2. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nghiêm túc triển khai thực hiện Quy định này. Quy định này bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ Văn phòng, Đoàn trường, các bộ phận có liên quan và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đăng Website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đặng Ngọc Lệ Thy

QUY ĐỊNH CHẤM ĐIỂM, XẾP LOẠI THI ĐUA CỦA HỌC SINH VÀ TẬP THỂ LỚP TỪ NĂM HỌC 2026 - 2027

(Đính kèm theo Quyết định số 179/QĐ-LQĐ.NNT ngày 07/9/2026 của Hiệu trưởng Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn – Nam Nha Trang)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Đánh giá học sinh, tập thể lớp về nền nếp, mức độ tham gia các hoạt động tập thể do trường và các cấp tổ chức.
- Đánh giá kết quả phấn đấu học tập của học sinh, tập thể lớp.
- Làm căn cứ để bình xét kết quả xếp loại rèn luyện, thi đua, khen thưởng của học sinh, tập thể lớp.
- Công tác đánh giá, chấm điểm, xếp loại thi đua được thực hiện công khai, rõ ràng, minh bạch, khoa học và kịp thời.

II. CÁCH ĐÁNH GIÁ

Chấm điểm thi đua học sinh, tập thể lớp trên 3 nội dung:

1. Nền nếp

- Đánh giá việc học sinh tuân thủ nội quy của nhà trường, nền nếp học tập và sinh hoạt trong lớp.
- Điểm nền nếp tập thể lớp được chấm và sơ kết theo từng tuần.
- Điểm nền nếp học sinh chấm theo học kỳ.

2. Phong trào

- Đánh giá việc học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa, hoạt động ngoài giờ lên lớp, các hoạt động do Đoàn trường và đoàn cấp trên tổ chức, việc tham gia các kỳ thi Học sinh giỏi các cấp.
- Điểm phong trào của học sinh, của tập thể lớp chấm theo học kỳ.

3. Kết quả học tập

- Việc đánh giá kết quả học tập căn cứ vào kết quả học tập của học sinh, tập thể lớp và tính nghiêm túc trong kiểm tra học kỳ.
- Điểm học tập của học sinh, của tập thể lớp được chấm theo học kỳ.

III. CÁCH TÍNH ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI THI ĐUA

1. Cách tính điểm thi đua

1.1. Nền nếp

Điểm nền nếp tập thể lớp = (điểm nền nếp học tập + nội quy) : 2

(Điểm nền nếp làm tròn đến hàng đơn vị)

a) Nền nếp học tập: Điểm chuẩn áp dụng chung cho tất cả các tập thể lớp là 100 điểm/tuần.

Nội dung	Tiết học bình thường			Tiết học có đăng ký tiết học Tốt (đkht)			
Đạt loại	K	TB	Y	T*	K	TB	Y
Điểm	-10	-20	-30	+5	-20	-30	-40

b) Nền nếp thực hiện nội quy: *Điểm chuẩn áp dụng chung cho tất cả các tập thể lớp là 100 điểm/tuần*

b1) Quy định mức độ vi phạm và điểm trừ

TT	Mục	Mức độ vi phạm	Điểm trừ học sinh	Điểm trừ tập thể lớp	Bộ phận chấm
1. Vệ sinh					
1	Không làm vệ sinh hoặc vệ sinh không sạch. (Còn rác trong phòng học, không xóa bảng...)	1	1	10	Cờ đỏ
2	Không đổ rác hoặc đổ rác không đúng quy định.	1	1	5	
3	Không ghi kết quả điểm danh lên góc bảng trước 7g00.	1	-	5	
4	Học sinh ăn trong lớp.	1	1	15	
5	Hành lang trước lớp học chưa được vệ sinh sạch.	1	1	10	Cờ đỏ/ Bảo vệ/ Ban vệ sinh học đường
6	Học sinh bỏ rác không đúng nơi quy định.	1	1	15	
7	Học sinh đổ nước, đổ rác hoặc ném bất cứ vật gì từ trên tầng xuống phía dưới.	1	1	15	
8	Không tắt đèn, quạt trước khi khóa cửa ra về.	1	1	15	
9	Không khóa cửa sổ trước khi khóa cửa ra về.	1	1	10	
10	Không khóa 2 cửa lớn trước khi ra về.	1	1	20	
2. Đồng phục – tác phong					
1	Không có bảng tên, bảng tên không đúng tên và lớp hoặc bảng tên được gắn trên áo không đúng vị trí, quy cách.	1	1	5	Cờ đỏ, Giáo viên
2	Không có logo trường hoặc logo trường được gắn trên áo không đúng vị trí, quy cách.	1	1	5	
3	Mang cặp/ba lô không phù hợp với môi trường học đường hoặc đựng sách vở và đồ dùng học tập trong các loại giỏ/túi khi đến trường tham gia các buổi học tập.	1	1	5	
4	Nhuộm tóc (ngoại trừ màu đen).	1	1	10	
5	Không có thắt lưng hoặc sử dụng thắt lưng không đúng quy định.	1	1	5	
6	Giày, dép không đúng quy định.	1	1	5	
7	Áo, quần không đúng quy định, không bỏ áo trong quần; nữ mặc áo dài không đúng màu, chất liệu mỏng lộ nội y.	1	1	5	
8	Không tháo khẩu trang hoặc các loại khăn che mặt khi qua cổng trường.	1	1	5	
9	Đoàn viên không đeo huy hiệu Đoàn	1	1	5	
10	Không mặc áo thanh niên vào thứ Sáu hàng tuần	1	1	5	

TT	Mục	Mức độ vi phạm	Điểm trừ học sinh	Điểm trừ tập thể lớp	Bộ phận chấm
11	Sơn móng tay, sơn móng chân, dùng son môi có màu.	1	1	5	
12	Nam sinh đeo hoa tai.	1	1	5	
3. Chuyên cần					
1	Đi trễ.	1	1	5	Cờ đỏ Giáo viên
2	Vắng không phép.	1	3	10	
3	Vắng có phép. (Xuống phòng y tế có sự đồng ý của GV hoặc đi bệnh viện đột xuất không xem là vắng không phép nên không bị trừ điểm, nếu lớp trưởng không báo cáo cho GVBM thì trừ điểm như vắng không phép)	-	0 (xem Lưu ý trang 4)	0 (xem Lưu ý trang 4)	
4	Trốn tiết.	1	3	10	
5	Vắng mặt trong các buổi sinh hoạt chung như chào cờ, hoạt động tập thể mà không có lý do chính đáng.	1	2	10	
4. Các vi phạm khác					
1	Chào cờ không nghiêm túc, hát quốc ca không nghiêm túc.	2	2	10	Cờ đỏ Giáo viên
2	Ôn định chậm sau 10 phút tính từ lúc phát lệnh hoặc xếp hàng chưa đúng quy định.	1	1	5	
3	Mất trật tự trong các buổi sinh hoạt chung.	1	1	5	
4	Không xuống xe khi vào cổng.	1	1	5	
5	Vi phạm ATGT. (không đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe gắn máy/xe đạp điện, đi xe trên 50 phân khối khi chưa có bằng, đeo tai nghe khi điều khiển phương tiện giao thông,...).	3	3	30	
6	Để cho điện thoại phát ra âm thanh hoặc sử dụng điện thoại trong giờ học (ngoại trừ giáo viên cho phép sử dụng).	1	2	10	
7	Nghiêm cấm các hành vi vi phạm nếp sống văn minh: nói tục, chửi thề; sử dụng thuốc lá, rượu, bia, chất kích thích; đi vệ sinh không đúng nơi quy định và các hành vi thiếu văn hóa khác.	2	3	30	
8	Làm bẩn, phá hoại cơ sở vật chất, tài sản nhà trường. (Vẽ hoặc viết lên tường/ lên bàn; đi trên thành bồn hoa/trên bàn, ghế; bẻ cành cây, hái lá/hoa/quả,...).	2	2	20	

TT	Mục	Mức độ vi phạm	Điểm trừ học sinh	Điểm trừ tập thể lớp	Bộ phận chấm
9	Lớp phó học tập không nộp sổ đầu bài và báo cáo hoặc báo cáo không chính xác.	1	1	20	
10	Lớp phó học tập nộp sổ đầu bài và báo cáo trễ.	1	1	10	

*** Lưu ý:**

- Học sinh vắng có phép 2 buổi cùng ngày chỉ tính 1 trường hợp vắng.
- Giáo viên bộ môn chỉ xác định tên học sinh vắng tiết của mình, không xác định có phép hay không phép.
- GVCN và lớp trưởng phải xác nhận vắng có phép hay không phép trong sổ đầu bài vào cuối buổi học và lưu giấy xin phép theo từng buổi để báo với Ban thi đua khi được yêu cầu.
- Vắng có phép
 - + Đối với tập thể lớp: Nếu tổng số lượt vắng có phép dưới 05 lượt/lớp/tuần: không trừ điểm. Nếu đạt mốc 05 lượt/lớp/tuần: trừ 05 điểm; từ lượt thứ 06 trở đi, mỗi lượt vắng trừ thêm 01 điểm.
 - + Đối với cá nhân học sinh: Vắng có phép dưới 06 lần/học kỳ: không trừ điểm rèn luyện. Từ lần thứ 06 trở đi, trừ 01 điểm/lần vắng.
- Những trường hợp học sinh nghỉ quá 3 ngày liên tục phải viết đơn xin phép Ban Giám hiệu và có xác nhận của GVCN.
- Học sinh tham gia các hoạt động theo sự điều động của nhà trường: không báo cáo vắng.
- Học sinh nghỉ học do gia đình có tang sự, do nằm viện, do phải chăm sóc bố hoặc mẹ nằm viện có giấy tờ chứng minh đúng thời gian đó: không trừ điểm.
- Học sinh có mặt **tại lớp trước 6h55 (buổi sáng) và trước 13h30 (buổi chiều)**. Sau thời gian quy định trên, nếu học sinh còn ở trong sân trường mà chưa vào lớp thì tính là đi trễ.

b2) Quy định mức độ vi phạm và cách thức xử lý kỷ luật

- **Xử lý theo tuần:** Học sinh vi phạm 02 lỗi Mức độ 1 hoặc 01 lỗi từ Mức độ 2 trở trong cùng một tuần sẽ phải tham gia lao động công ích tại trường (hình thức và thời gian cụ thể do Đoàn trường thông báo).
- **Xử lý cộng dồn trong một học kỳ:** Các lỗi vi phạm của học sinh sẽ được cộng dồn trong 01 học kỳ và xử lý theo khung kỷ luật sau:

Số lần vi phạm	Mức độ vi phạm	Biện pháp kỷ luật
1	1	Nhắc nhở học sinh vi phạm.
2	1	Nhắc nhở học sinh vi phạm trước lớp.
3	1	Phê bình học sinh vi phạm trước lớp.
4	1	GVCN họp lớp, yêu cầu học sinh viết bản kiểm điểm (báo cáo với Ban Giám hiệu).
1	2	Phê bình học sinh vi phạm trước lớp.

Số lần vi phạm	Mức độ vi phạm	Biện pháp kỷ luật
2	2	GVCN họp lớp, yêu cầu học sinh viết bản kiểm điểm (báo cáo với Ban Giám hiệu).
1	3	GVCN họp lớp, yêu cầu học sinh viết bản kiểm điểm (báo cáo với Ban Giám hiệu).

1.2. Hoạt động phong trào

Điểm chuẩn áp dụng chung cho tất cả các tập thể lớp là 100 điểm/học kì

a) Tham gia sinh hoạt tập thể

TT	Mục	Mức độ vi phạm	Điểm trừ học sinh	Điểm trừ tập thể lớp	Bộ phận chấm
1	Không chuẩn bị ngoại khoá theo sự phân công, không tham gia các hoạt động do trường tổ chức.	3	2	10	Giáo viên
2	Thực hiện hoạt động/ nhiệm vụ được giao một cách sơ sài hoặc không đúng yêu cầu.	2	1	5	
3	Cán bộ lớp, cán bộ đoàn không tham gia họp/sinh hoạt/công tác do Đoàn trường triệu tập/ phân công.	2	1	5	
4	Chi đoàn không đảm bảo đủ số lượng đoàn viên thanh niên tham gia các hoạt động theo sự điều động của Đoàn trường.	2	-	10	
5	Chi đoàn có thành viên không tham gia hoặc tham gia không đảm bảo chất lượng trong các đợt sinh hoạt chính trị / trong các đợt làm bài dự thi tìm hiểu,...	2	-	5/hs/lần	

b) Điểm cộng

- Điểm cộng được thực hiện khi tham gia hoạt động theo yêu cầu của Đoàn cấp trên có tính chất cấp thiết. Mỗi hoạt động được cộng 10 điểm/tập thể lớp.

- Tùy vào mỗi hoạt động cụ thể trong năm học, Đoàn trường sẽ tham mưu việc cộng điểm cho học sinh, tập thể lớp.

- Học sinh tham gia nghiêm túc và đầy đủ các hoạt động do Nhà trường, Đoàn trường cử tham gia được cộng 4 điểm.

- Cán sự lớp hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công được cộng 2 điểm.

- Học sinh có hành động, việc làm tốt đẹp sẽ được cộng điểm theo mức độ đánh giá của Hội đồng Thi đua, khen thưởng.

- Việc đạt giải trong Hội khỏe Phù đồng cấp tỉnh, Hội thi văn nghệ cấp tỉnh,... được cộng điểm như sau:

TT	Mục	Điểm cộng học sinh	Điểm cộng tập thể lớp
1	Giải Nhất/Huy chương Vàng cấp quốc gia.	3	30
2	Giải Nhì/Huy chương Bạc cấp quốc gia.	3	25

TT	Mục	Điểm cộng học sinh	Điểm cộng tập thể lớp
3	Giải Ba/Huy chương Đồng cấp quốc gia hoặc giải Nhất/Huy chương Vàng cấp tỉnh.	2	20
4	Giải Khuyến khích/giải Tư cấp quốc gia hoặc giải Nhì/Huy chương Bạc cấp tỉnh.	2	10
5	Giải Ba/Huy chương Đồng cấp tỉnh.	1	5

c) Điểm trừ

- Học sinh tự động bỏ thi các kỳ thi, cuộc thi (không có lý do chính đáng) tại khoản b mục 1.2 thì học sinh sẽ bị trừ 02 điểm và tập thể lớp sẽ bị trừ 10 điểm.

1.3. Kết quả học tập

a) Đối với tập thể lớp

Điểm học tập Học kì 1 = (tỷ lệ % kết quả học lực loại Tốt) x 2 + (tỷ lệ % kết quả học lực loại Khá) x 1

Điểm học tập Học kì 2 = 100 + (tỷ lệ % học sinh Xuất sắc) x 3 + (tỷ lệ % học sinh Giỏi) x 1

b) Điểm cộng

- Học sinh đạt kết quả xếp loại học tập mức Tốt được cộng 02 điểm.

- Việc đạt giải trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi các cấp, Cuộc thi KHKT các cấp, Olympic truyền thống 30/4 . . . đạt giải (không tính giải tập thể) được cộng điểm như sau:

TT	Mục	Điểm cộng học sinh	Điểm cộng tập thể lớp
1	Tham gia Vòng 2 chọn đội tuyển dự thi Olympic quốc tế, khu vực.	4	50
2	Giải Nhất cấp quốc gia.	4	40
3	Giải Nhì cấp quốc gia.	3	30
4	Giải Ba cấp quốc gia hoặc giải Nhất cấp tỉnh.	3	25
5	Giải Khuyến khích/giải Tư cấp quốc gia hoặc giải Nhì cấp tỉnh hoặc Huy chương Vàng Olympic 30/4.	2	20
6	Giải Ba tỉnh hoặc Huy chương Bạc Olympic 30/4.	2	10
7	Giải Khuyến khích/giải Tư cấp tỉnh hoặc Huy chương Đồng Olympic 30/4.	1	5

c) Điểm trừ

- Học sinh tự động bỏ thi các kỳ thi, cuộc thi (không có lý do chính đáng) tại khoản b mục 1.3 thì học sinh sẽ bị trừ 04 điểm và tập thể lớp sẽ bị trừ 20 điểm.

2. Xếp loại thi đua tuần và thi đua đợt

- Thi đua tuần: chỉ xét điểm nền nếp hằng tuần. Lớp Nhất phải có số điểm trên 80 điểm, lớp Nhì trên 70 điểm và lớp Ba trên 60 điểm. Lớp được trao thưởng là lớp xếp vị thứ Nhất; phần thưởng là nhận Cờ luân lưu và được trao vào tiết sinh hoạt dưới cờ.

- Thi đua đợt: là tổng điểm các hoạt động của đợt thi đua. Một năm sẽ có hai đợt thi đua chính là dịp kỷ niệm Ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11) và Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3); sau đợt thi đua sẽ tổng kết trao giải cho lớp xếp vị thứ Nhất, Nhì, Ba của đợt thi đua.

- Đối với những lớp đạt tiêu chuẩn xếp vị thứ Nhất, Nhì, Ba của thi đua tuần hoặc thi đua đợt nhưng trong thời gian đó có những vi phạm ở Mức độ 3 sẽ bị cắt thi đua.

3. Thi đua theo học kì và năm học

3.1. Đánh giá kết quả của tập thể lớp

- Điểm thi đua học kì = [(Vị thứ nền nếp x 3) + (Vị thứ học tập x 3) + (Vị thứ phong trào)] : 7.

- Điểm thi đua cuối năm = (Vị thứ thi đua Học kì 1 + Vị thứ thi đua Học kì 2 x 2) : 3.

- Điểm thi đua học kì và cuối năm làm tròn đến hàng phần trăm (lấy 2 chữ số thập phân)

- Nguyên tắc xếp hạng: điểm số thi đua càng nhỏ thì vị thứ càng cao.

- Thứ tự thi đua của các lớp là căn cứ để xếp loại thi đua của tập thể lớp.

*** Lưu ý:**

- Tập thể lớp có kết quả xếp hạng về mặt nền nếp/học tập/phong trào đứng vị thứ từ 20 trở về sau sẽ không được xét khen thưởng vào cuối học kỳ hoặc cuối năm.

- Tuần thi đua được tính từ thứ Năm tuần kể trước đến thứ Tư tuần hiện tại.

- Thứ Tư hằng tuần sẽ công bố Bảng chấm điểm tạm thời của thi đua tuần. Các lớp có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra để báo cáo sai sót, nhầm lẫn (nếu có) cho Ban thi đua Đoàn trường trước khi công bố Bảng xếp hạng chính thức vào thứ Hai. Mọi ý kiến điều chỉnh, Giáo viên chủ nhiệm cần báo với Ủy viên phụ trách chấm thi đua của Đoàn trường trước 17g00 ngày thứ Năm. **Sau thời gian quy định, Ban thi đua sẽ không giải quyết.**

- Xếp hạng thi đua theo đợt hoặc theo học kì, năm học sẽ được công khai tại Bảng tin trước 01 tuần khi ra quyết định về xếp loại rèn luyện hoặc trao giải, mọi thắc mắc, điều chỉnh thực hiện trong thời gian 01 tuần này, sau thời gian đó Ban thi đua, Đoàn trường sẽ không tiếp nhận những ý kiến điều chỉnh.

3.2. Đánh giá kết quả rèn luyện của từng học sinh

- Mỗi học sinh có 20 điểm rèn luyện mặc định vào đầu mỗi học kỳ.

- Tổng mức điểm cộng không quá 8 điểm/học kỳ.

- Đến cuối học kỳ, căn cứ vào số điểm rèn luyện còn lại của mỗi học sinh (sau khi cộng, trừ) để đánh giá kết quả rèn luyện.

TT	Mức điểm rèn luyện của học sinh	Kết quả rèn luyện
1	Trên 17 điểm.	Tốt
2	Từ 14 điểm đến 17 điểm.	Khá
3	Từ 10 điểm đến 13 điểm.	Đạt
4	Dưới 10 điểm.	Chưa đạt

- Sử dụng điểm rèn luyện của học sinh:

+ Giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn căn cứ mức điểm rèn luyện của học sinh đánh giá xếp loại rèn luyện của từng học sinh phù hợp và đúng với quá trình rèn luyện, phần đầu của từng học sinh và kết quả vị thứ thi đua của lớp.

+ Hội đồng Thi đua, khen thưởng căn cứ vào nội dung tham mưu của Đoàn trường, các tổ chức, bộ phận khác trong nhà trường để xếp loại kết quả rèn luyện của học sinh.

+ Hội đồng Thi đua, khen thưởng tham mưu cho Hiệu trưởng quyết định việc xếp loại rèn luyện của học sinh.

*** Lưu ý:**

Học sinh vi phạm nội dung sau đây, Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Nhà trường sẽ xem xét hạ bậc kết quả rèn luyện.

TT	Nội dung vi phạm	Ghi chú
1	Vi phạm pháp luật (có giấy báo của cơ quan chức năng gửi Nhà trường).	Hội đồng Thi đua, khen thưởng nhà trường xem xét hạ 01 bậc rèn luyện hoặc hạ xuống mức Chưa đạt tùy theo mức độ vi phạm.
2	Có hành vi làm tổn hại đến uy tín Nhà trường.	
3	Vô lễ, có lời nói và hành động xúc phạm đến cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường.	
4	Vi phạm quy chế thi/kiểm tra; sửa hoặc làm sai lệch điểm bài làm, bài kiểm tra.	
5	Sử dụng, tàng trữ, phát tán văn hóa phẩm độc hại, chất kích thích, gây nghiện.	
6	Mang vào trường thức uống có cồn, chất gây nghiện, chất gây cháy, gây nổ, gây nguy hiểm, ...	
7	Đánh nhau trong hoặc ngoài nhà trường. Gây rối nơi công cộng. Phối hợp với người khác đe dọa, hành hung bạn học hoặc thực hiện các hành vi bạo lực học đường khác.	
8	Phá hoại tài sản trong lớp, trong trường.	